TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 764/2023/HS-PT
Ngày 29 tháng 9 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Anh Tài;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huyền Cường;

Ông PH Hải Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm M Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 1120/2022/TLPT-HS ngày 09 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo Phạm Văn L, Nguyễn Như H, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 88/2022/HS-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh V.

** Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Phạm Văn L, sinh ngày 22/8/1968 tại V; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh V; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng M; trình độ văn hóa: Lớp 6/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H sinh năm 1933 (đã chết) và bà Phạm Thị N sinh năm 1930 (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị V sinh năm 1968; nghề nghiệp: kinh doanh; trú tại: Thôn N xã H, huyện T, tỉnh V và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Như H, sinh ngày 25/7/1979 tại Vĩnh Phúc; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố T, thị trấn G, huyện B, tỉnh V; nghề nghiệp: Phó trưởng phòng kinh tế hạ tầng huyện T; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; con ông Nguyễn Như H và bà Nguyễn Thị H; vợ là Đầu Thị Hồng H; nghề nghiệp: Giáo viên và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không;). Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi

nơi cư trú từ ngày 28/02/2022, hiện tại ngoại . Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Hồng T bị kết án về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; các bị cáo Đào Xuân Đ và Trần Văn B bị kết án về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"; 01 bị hại; 03 người có quyền L, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V và Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh V, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2012, thực hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới tại xã H, Đảng ủy, UBND xã H (nay là thị trấn H) đã họp bàn, thống nhất chủ trương về việc nâng cấp, cải tạo chợ xã H.

Khoảng giữa năm 2012, thông qua mối quan hệ trong công việc và quen biết nên Nguyễn Như H, khi đó là cán bộ Phòng Công thương huyện T đã đặt vấn đề với Đào Xuân Đ, thời điểm đó là Chủ tịch UBND xã H làm tư vấn thiết kế công trình "Nâng cấp, cải tạo chợ xã H". Do biết H có chuyên môn trong lĩnh vực xây dựng có thể giúp cho UBND xã H trong việc tư vấn thiết kế công trình nên Đ đồng ý cho H đứng ra nhận gói thầu tư vấn thiết kế. Vì H là công chức nhà nước, không có công ty riêng, không có tư cách pháp nhân để thực hiện gói thầu nên H đã liên hệ với Nguyễn Trung D, sinh năm 1978, trú tại: số 492 Mê Linh, phường K, thành phố V, tỉnh V - Giám đốc Công ty cổ phần tư vấn xây dựng T (viết tắt là Công ty T) đề nghị D cho mượn tư cách pháp nhân Công ty T để thực hiện gói thầu. D đồng ý. H và D thỏa thuận toàn bộ hồ sơ, thủ tục liên quan đến việc nhận thầu, hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công, báo cáo kinh tế kỹ thuật thi công, thủ tục nghiệm thu thanh quyết toán sẽ do H, chủ đầu tư và đơn vị thi công thực hiện, D chỉ có trách nhiệm ký và đóng dấu Công ty T vào các hồ sơ, thủ tục liên quan đến đơn vị tư vấn thiết kế. H và D còn thỏa thuận, Công ty T sẽ nhận 20% giá trị thanh toán gói thầu để nộp thuế, còn H sẽ nhận 80% giá trị còn lại. Sau khi xem xét hồ sơ năng lực của Công ty T, ngày 03/8/2012 UBND xã H ban hành Quyết Đ số 28B/QĐ-UBND về việc chỉ Đ thầu tư vấn khảo sát, thiết kế lập báo cáo kinh tế kỹ thuật - dự toán công trình, chỉ Đ Công ty T là nhà thầu tư vấn khảo sát thiết kế lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, dự toán công trình và Hợp đồng kinh tế số 62 về việc tư vấn khảo sát thiết kế lập báo cáo kinh tế kỹ thuật - dự toán công trình, giá trị hợp đồng là 130.000.000 đồng. Sau khi hoàn thiện thủ tục nhận thầu cho Công ty T, H đã liên hệ với Nguyễn Văn Q, sinh năm 1981, ở thôn H, xã K, huyện V, tỉnh V để thuê Q làm thiết kế kỹ thuật, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật và lập dự toán công trình. Từ đầu năm 2013 đến đầu năm 2014, Q đã trực tiếp làm hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công - dự toán, hồ sơ thiết kế kỹ thuật điều chỉnh bổ sung - dự toán, thuyết M báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo kinh tế kỹ thuật (phần bổ sung) rồi chuyển lại cho Công ty T kiểm tra, phê duyệt và hoàn thiện hồ sơ theo quy Đ. Công trình "Nâng cấp cải tạo chợ H"

được thiết kế và dự toán tổng mức đầu tư với quy mô gồm các hạng mục: Nhà chợ chính, khu vệ sinh công cộng, khu thu gom rác thải, hệ thống điện bảo vệ chợ, san nền kè đá, đường nội bộ chợ, rãnh thoát nước theo thiết kế ban đầu làm tròn là 4.146.247.000đ. Trong đó: giá trị xây lắp sau thuế là 3.397.002.139đ, chi phí quản lý dự án là 77.945.758đ, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng là 248.238.019đ, chi phí khác là 46.129.301đ, dự phòng là 376.931.522đ.

Để thực hiện công tác thẩm tra dự toán, thiết kế công trình theo quy Đ, ngày 21/8/2013, sau khi xem xét hồ sơ năng lực của Công ty TNHH MTV N (viết tắt là Công ty N), UBND xã H có Quyết Đ số 29B/QĐ-UBND về việc chỉ Đ nhà thầu tư vấn thẩm tra bản vẽ thiết kế - dự toán công trình. Ngày 29/8/2013, UBND xã H và Công ty N ký kết Hợp đồng số 66/HĐ-TVTK về việc tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình, giá trị gói thầu là 14.000.000đ. Căn cứ vào bản vẽ thiết kế, dự toán và báo cáo kinh tế kỹ thuật do Công ty T lập, Công ty N đã thực hiện thẩm tra thiết kế - dự toán, kết quả:

- Kết quả thẩm Đ thiết kế bản vẽ thi công các hạng mục Nhà chợ chính, nhà vệ sinh công cộng, khu thu gom rác thải, san nền kè đá, đường nội bộ, rãnh thoát nước: Thiết kế bản vẽ thi công tương đối phù hợp với quy mô, thiết kế trong báo cáo kinh tế kỹ thuật; giải pháp thiết kế, giải pháp cấu tạo: Đạt yêu cầu;

- Kết quả thẩm Đ dự toán: Các khoản mục tính toán trong dự toán phù hợp với Đ mức, đơn giá, chế độ chính sách theo quy Đ của nhà nước; giá trị dự toán sau thẩm tra là 4.026.075.000đ (giảm 120.172.000đ). Trong đó, chi phí xây lắp là 3.298.243.724đ (giảm 98.758.415đ), chi phí quản lý dự án là 75.679.701đ (giảm 2.266.057đ), chi phí tư vấn đầu tư xây dựng là 241.353.570đ (giảm 6.884.449đ), chi phí khác là 44.791.610đ (giảm 1.337.691đ), dự phòng là 366.006.861đ (giảm 10.924.661đ).

Đồng thời Công ty N kiến nghị chủ đầu tư và đơn vị tư vấn thiết kế có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ dự toán theo kết quả đã thẩm tra để công trình có đủ điều kiện phê duyệt và T1 hành các trình tự xây dựng cơ bản khác.

Căn cứ kết quả thẩm tra thiết kế, dự toán, báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình của Công ty N, ngày 03/9/2013, UBND xã H có Quyết Đ số 63/QĐ-UBND về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình, tổng mức đầu tư được phê duyệt 4.026.075.000đ, trong đó xây lắp: 3.298.243.724đ, chi phí quản lý dự án: 75.679.701đ, tư vấn đầu tư xây dựng: 241.353.570đ, chi phí khác: 44.791.610đ, dự phòng: 366.006.861đ. Hình thức đầu tư: Cải tạo, nâng cấp; Mục tiêu đầu tư: Nâng cấp cơ sở hạ tầng chợ thúc đẩy phát triển thương mại, dịch vụ, nâng cao đời sống nhân dân địa phương; nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước theo Nghị quyết số 14/2011/NQ-HĐND là từ nguồn vốn ngân sách xã và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Đến đầu năm 2014, khi công trình chuẩn bị thực hiện thi công, do vướng mắc một số kỹ thuật về mặt bằng và để phù hợp hơn với thực tế, Công ty T tiếp tục

lập hồ sơ thiết kế điều chỉnh bổ sung một số hạng mục công trình. Cụ thể: Phần phát sinh giảm do chợ cải tạo nằm trên nền đất cũ của chợ, hiện đã có tường rào xây gạch chắn đất, vì vậy cắt bỏ hạng mục kè đá với tổng chiều dài là 164,66m; Phần phát sinh tăng do một vài yếu tố thực tế và nhu cầu của người dân nên thiết kế thêm một số hạng mục khác, gồm: 02 nhà chợ phụ 2, 01 nhà chợ phụ 3, 01 nhà chợ phụ 4, 01 nhà chợ phụ 4A, 01 nhà để xe, 01 giếng khoan nước, 01 cổng chợ, 06 hố ga và 235,7m rãnh thoát nước. Căn cứ hồ sơ thiết kế, dự toán điều chỉnh bổ sung, Công ty N tiếp tục thực hiện thẩm tra hồ sơ. Sau khi có báo cáo kết quả thẩm tra của Công ty N. Ngày 25/6/2014, UBND xã H có Quyết Đ số 134A/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình, điều chỉnh giá trị dự toán xây lắp công trình lên 3.420.711.000đ (tăng 122.527.276đ); chi phí QLDA lên 78.491.141đ (tăng 2.811.440đ); chi phí tư vấn đầu tư lên 244.573.582đ (tăng 3.220.012đ); chi phí khác lên 46.396.973đ (tăng 1,605.363đ); giảm dự phòng chi xuống 235.842.944đ (giảm 130.163.917đ). Các hạng mục điều chỉnh, bổ sung gồm:

- Nhà chợ phụ 2, 3, 4, 4A: Móng đổ bê tông M200 đá 1x2 (mm), chân để cột thép được liên kết với nền bằng liên kết bu lông qua bản mã; nền nhà đổ bê tông M200 đá 1x2 (mm); hệ thống kết cấu cột thép D90 dày 4mm; vì kèo thép L 50x32x3 (mm); xà gồ thép hộp 30x60x1,5 (mm), trên lợp mái tôn liên doanh dày 0,42mm.

- Nhà để xe: Móng đổ bê tông M150; nền nhà đổ bê tông M150; hệ thống kết cấu cột thép D100; vì kèo thép, xà gồ tôn dập C80x40x2,5 (mm), trên lợp mái tôn liên doanh dày 0,42mm.

- Cổng chợ: Móng đổ bê tông M150, hệ thống kết cấu cột thép D90 dày 4mm hàn trực tiếp vào khung xương biển chợ; khung xương làm bằng thép hộp 30x40x1,5 (mm), biển chợ làm bằng tôn tấm dày 1mm.

Để thực hiện công tác quản lý dự án, giám sát công trình theo quy Đ, ngày 04/4/2014, UBND xã H có Quyết Đ số 119/QĐ-UBND về việc thành lập Ban quản lý dự án công trình (Ban QLDA), trong đó phân công: Đào Xuân Đ - Chủ tịch UBND xã H là Trưởng Ban; Trần Văn B (thời điểm đó giữ chức vụ Phó Chủ tịch UBND xã H) là Phó Trưởng Ban; và 05 thành viên khác gồm: Ông Lưu Văn H - Cán bộ Thống kê xây dựng; bà Nguyễn Thị Phương T - Kế toán ngân sách xã; ông Hoàng Văn T - Cán bộ Văn phòng UBND xã; ông Nguyễn Mạnh T - Cán bộ địa chính xã; ông Nguyễn Khắc Quân - Trưởng thôn Đ.

Nội dung quyết Đ nêu rõ: Ban QLDA thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao trong suốt quá trình thực hiện dự án xây dựng công trình, có trách nhiệm làm thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản; Ban hoạt động mở tài khoản, nghiệm thu và thanh quyết toán công trình, được sử dụng con dấu của UBND xã H.

Để thực hiện công tác chỉ Đ thầu xây lắp công trình theo quy Đ, ngày 12/5/2014, UBND xã H có Quyết Đ số 73A/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch chỉ Đ thầu, hồ sơ yêu cầu xây lắp công trình, trong đó có nội dung: Giá

gói thầu phần xây lắp là 3.298.243.724đ; hình thức lựa chọn nhà thầu: Chỉ Đ thầu. Căn cứ kế hoạch chỉ Đ thầu, ngày 12/5/2014, UBND xã H có Quyết Đ số 73B/QĐ-UBND việc phê duyệt chỉ Đ nhà thầu tư vấn lập hồ sơ yêu cầu, đánh giá hồ sơ đề xuất công trình, chỉ Đ Công ty TNHH tư vấn đầu tư và xây dựng P (viết tắt là Công ty P) với giá trị chỉ Đ là: 11.115.000đ. Đến ngày 19/5/2014, Công ty P lập xong hồ sơ yêu cầu chỉ Đ thầu xây lắp công trình, trong đó nêu: Thông báo mời thầu ngày 19/5/2014, nội dung mời thầu các nhà thầu có đủ năng lực tới tham dự lập hồ sơ đề xuất xây dựng gói thầu trên tại UBND xã H, huyện T; phần chỉ dẫn đối với nhà thầu: Yêu cầu về chỉ Đ thầu, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất, biểu mẫu dự thầu, giới thiệu dự án và gói thầu, bảng tiên lượng, yêu cầu về T1 độ thực hiện; phần yêu cầu về hợp đồng: Điều kiện về hợp đồng, mẫu hợp đồng; phần yêu cầu bản vẽ thiết kế thi công: Dựa trên cơ sở bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công đã được phê duyệt. Căn cứ Hồ sơ yêu cầu xây lắp công trình do Công ty P lập, ngày 19/5/2014, UBND xã H có Quyết Đ số 82A/QĐ-UBND về việc duyệt hồ sơ yêu cầu xây lắp công trình, trong Quyết Đ nêu rõ thời gian phát hành hồ sơ yêu cầu từ ngày 20/5/2014, thời gian nộp Hồ sơ đề xuất vào ngày 25/5/2014. Sau khi hoàn thành thủ tục trên, UBND xã H đã có thư mời thầu một số đơn vị tham gia dự thầu xây lắp công trình, trong đó có Công ty TNHH thương mại và xây dựng M (viết tắt là Công ty M) có địa chỉ tại thôn Núc Hạ, xã H, huyện T, tỉnh V được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh V cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500282444, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20/7/2017. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Phạm Văn L- Giám đốc, chiếm 75% phần vốn góp, thành viên còn lại là Nguyễn Thị V (vợ Phạm Văn L) chiếm 25% phần vốn góp. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là xây dựng công trình, kinh doanh vật liệu xây dựng và kinh doanh nhà nghỉ lưu trú. Tại Công ty M, L là người trực tiếp chỉ đạo, điều hành toàn bộ công việc thi công xây dựng công trình, kinh doanh vật liệu xây dựng; còn V chỉ đạo, điều hành mảng kinh doanh nhà nghỉ lưu trú của Công ty, không tham gia chỉ đạo, điều hành công việc liên quan đến mảng kinh doanh vật liệu xây dựng và xây dựng công trình.

Căn cứ thư mời thầu, hồ sơ yêu cầu của UBND xã H, Công ty M đã làm hồ sơ dự thầu và có đơn xin dự thầu ghi ngày 22/5/2014 gửi UBND xã H xin làm nhà thầu xây lắp công trình Nâng cấp, cải tạo chợ xã H. Căn cứ đơn dự thầu, hồ sơ đề xuất của Công ty M, Công ty P đã T1 hành chấm, xét thầu. Sau khi chấm, xét thầu Công ty P đã có Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp công trình Nâng cấp, cải tạo chợ xã H của Công ty M. Căn cứ Báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất của Công ty P, UBND xã H thấy Công ty M có đủ điều kiện năng lực để thực hiện việc thi công xây lắp công trình theo yêu cầu của UBND xã H, do đó ngày 26/5/2014, UBND xã H có Quyết Đ số 95/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp công trình Nâng cấp, cải tạo chợ xã H cho Công ty M.

Ngày 28/5/2014, UBND xã H và Công ty M ký Hợp đồng thi công xây

dựng số 11/2014/XDCB về việc thi công xây dựng công trình "Nâng cấp, cải tạo chợ xã H", giá trị hợp đồng: 3.296.925.000đ; thời gian thực hiện hợp đồng: 175 ngày kể từ ngày khởi công; hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh. Thực hiện việc điều chỉnh bổ sung các hạng mục thi công, ngày 27/6/2014, UBND xã H và Công ty M ký Phụ lục Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 12/2014/HĐ-XD điều chỉnh một số phần việc, hạng mục gồm: Điều chỉnh hạng mục san nền, kè đá, hệ thống rãnh thoát nước; bổ sung thêm hạng mục nhà chợ phụ số 2, 3, 4, 4A, nhà để xe, cổng chợ, giếng khoan, giá trị xây lắp sau điều chỉnh là 3.419.452.000đ (tăng 122.527.000đ). Thực hiện hợp đồng thi công xây dựng, công trình Nâng cấp, cải tạo chợ H được triển khai thi công từ ngày 29/5/2014 đến ngày 14/12/2014 thì hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng.

Đối với việc tư vấn giám sát công trình, khoảng tháng 4/2014, Nguyễn Như H tiếp tục đặt vấn đề với Đào Xuân Đ xin được làm tư vấn giám sát công trình và được Đ đồng ý. H liên hệ với Nguyễn Hồng T là Giám đốc Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng T (viết tắt là Công ty T) đề nghị T cho mượn tư cách pháp nhân của Công ty T để thực hiện gói thầu tư vấn giám sát công trình và được T đồng ý. H và T bàn bạc, thống nhất là sẽ chi cho T 25% giá trị gói thầu tư vấn giám sát được quyết toán. Sau khi xem xét hồ sơ năng lực của Công ty T đảm bảo các quy Đ về năng lực tư vấn giám sát, ngày 12/5/2014, UBND xã H ban hành Quyết Đ số 74/QĐ-UBND chỉ Đ thầu tư vấn giám sát công trình cho Công ty T và ký Hợp đồng tư vấn giám sát giữa UBND xã H với Công ty T. Theo đó, UBND xã H giao cho Công ty T nhiệm vụ giám sát thi công công trình Nâng cấp, cải tạo chợ H theo thiết kế được duyệt, đúng quy Đ của pháp luật; chất lượng công việc do Công ty T thực hiện phải đáp ứng được yêu cầu của UBND xã H, phải tuân thủ theo các quy Đ tại Nghị Đ số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về việc quản lý chất lượng công trình xây dựng và các quy Đ pháp luật xây dựng tại thời điểm thực hiện công trình; loại hợp đồng: Hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm; giá trị hợp đồng là 87.000.000đ.

Khi công trình chuẩn bị thi công, T nói với H đã cử Nguyễn Văn Q làm cán bộ giám sát kỹ thuật thi công công trình nhưng Q không đồng ý. T không tìm được người nên đề nghị H tìm người để làm giám sát công trình. Sau đó H có nói với T là đã giao Nguyễn Văn M thực hiện việc giám sát công trình nhưng thực tế H không biết M là ai, H chỉ biết tên Nguyễn Văn M trong khi làm công tác chuyên môn tại Phòng Kinh tế hạ tầng huyện T. H thấy tên Nguyễn Văn M có ký trong hồ sơ một số công trình với chức danh là cán bộ giám sát nên nghĩ M có chứng chỉ hành nghề giám sát nên đưa tên M vào hồ sơ công trình cho đủ thủ tục. Trong quá trình công trình chợ H được thi công từ khi khởi công đến khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng công trình không có cán bộ giám sát kỹ thuật thi công tại công trường. L dụng sự thiếu trách nhiệm của Đào Xuân Đ và Trần Văn B, cả H và T đều không thực hiện việc giám sát công trình theo nội dung hợp đồng đã ký kết với chủ đầu tư.

Quá trình thi công công trình, Phạm Văn L giao cho Đoàn Ngọc Q SN 1981, trú tại thị trấn Đại Đình, huyện T, tỉnh V phụ trách kỹ thuật thi công tại hiện trường công trình. L chỉ đưa cho Q1 tập hồ sơ bản vẽ thiết kế kỹ thuật công trình đã được duyệt, để căn cứ vào đó Q1 bóc tách khối lượng theo đúng thiết kế rồi thông báo cho L về vật tư, vật liệu cần mua phục vụ thi công xây lắp công trình. Tuy nhiên với mục đích cắt giảm bớt chi phí mà công trình vẫn an toàn, sử dụng được. Ngay từ khi bắt đầu triển khai thi công công trình, L đã sử dụng một số vật tư, vật liệu (thép hình, thép hộp làm vì kèo, xà gồ; tôn lợp mái...) có tiêu chuẩn thấp hơn, giá thành rẻ hơn, không đúng thiết kế được duyệt đưa vào thi công lắp dựng tại công trình. Sau đó L lập hồ sơ nghiệm thu thanh quyết toán khống để chiếm đoạt tiền Nhà nước. Khi Q1 nhận vật tư vật liệu để thi công, Q1 chỉ kiểm tra bằng mắt thường vì không có thiết bị chuyên dụng để đo đạc chính xác kích thước, độ dày các vật tư vật liệu. Mặt khác, do tin tưởng L đã mua đúng theo tiêu chuẩn, kích thước theo hồ sơ thiết kế được duyệt và L có nói với Q1 là công trình chỉ được thanh toán theo đúng khối lượng tại hiện trường nên Q1 vẫn thực hiện tổ chức thi công đúng theo chỉ đạo của L. Về việc mua vật tư, vật liệu, L giao cho vợ là Nguyễn Thị V trực tiếp đi mua vật tư (thép hộp làm vì kèo, xà gồ; tôn mái) của Công ty TNHH MTV N tại H - T. Số lượng, kích thước, quy cách chủng loại vật tư, vật liệu V mua về là do L yêu cầu V đi mua. Khi giao cho V đi mua vật tư, L không nói cho V biết trong hồ sơ thiết kế phải sử dụng vật tư có quy cách, chất lượng cụ thể như thế nào. Sau khi mua hàng, L chỉ đạo Đỗ Thị Y, sinh năm 1984, trú tại thôn Núc Hạ, xã Hồ Sơn, huyện T, tỉnh V là kế toán Công ty M thanh toán tiền mua hàng cho Công ty N và làm thủ tục kê khai thuế đối với số hàng hóa đã mua.

Quá trình thực hiện công trình, UBND xã H và các đơn vị liên quan không tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng, bao gồm: nghiệm thu công việc xây dựng trong quá trình thi công xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng để đưa vào sử dụng. Trong thời gian thi công, Đào Xuân Đ và Trần Văn B cùng một số cán bộ UBND xã H tổ chức một số buổi đi kiểm tra T1 độ thực hiện công trình bằng mắt thường, không kiểm tra các hạng mục, bộ phận, công việc xây dựng bằng các dụng cụ, thiết bị chuyên dụng để đo đạc, xác Đ khối lượng thi công, không lập thành biên bản theo quy Đ.

Năm 2015, sau khi công trình thi công xong, để hợp thức các thủ tục, hồ sơ nghiệm thu, quyết toán công trình thì L đã liên hệ và thuê Khổng Thị Bạch D, sinh năm 1979, trú tại khu hành chính 15, phường Liên Bảo, thành phố V, tỉnh V làm các hồ sơ gồm: tập biên bản nghiệm thu, tập bản vẽ hoàn công và tập nhật ký thi công công trình. L chuyển cho D1 các hồ sơ công trình gồm: hợp đồng thi công, bản vẽ thiết kế, dự toán thẩm tra, hồ sơ trúng thầu để D1 căn cứ làm hồ sơ. L nói với D1 là các phần việc, hạng mục xây dựng, vật tư, vật liệu thi công ngoài hiện trường đúng theo thiết kế được duyệt, cơ bản không có gì thay đổi, có những thay đổi do vướng mặt bằng không làm được thì L đã ghi chú trong hồ sơ

thiết kế. L bảo D1 cứ làm đúng như thế là được. D1 không biết thực tế công trình thi công có đúng thiết kế không mà D1 chỉ căn cứ vào hồ sơ do L đưa và các ghi chú trong bản vẽ thiết kế của L để lập các tập nhật ký thi công đề ngày từ 31/5/2014 đến ngày 14/12/2014 (gồm 206 tờ), tập bản vẽ hoàn công (gồm 54 tờ) và tập biên bản nghiệm thu (gồm 01 Bảng tổng hợp khối lượng hoàn thành, 60 Biên bản nghiệm thu nội bộ công việc xây dựng, 60 Phiếu yêu cầu nghiệm thu công việc, 60 Biên bản nghiệm thu công việc, 08 Phiếu yêu cầu nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng, 08 biên bản nghiệm thu hoàn thành bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng). Sau khi làm xong, D1 bàn giao toàn bộ hồ sơ tài liệu này cho L và được L trả tiền công số tiền là 3.000.000đ. Sau đó, L chỉ đạo Nguyễn Thế D, sinh năm 1990, trú tại thôn 4 Hạ Lôi, xã M, huyện M, thành phố H là cán bộ kỹ thuật của Công ty M ký vào mục cán bộ kỹ thuật và cán bộ lập (bản vẽ hoàn công) của các hồ sơ nghiệm thu, quyết toán công trình gồm tập biên bản nghiệm thu, tập bản vẽ hoàn công, tập nhật ký thi công và tập kết quả thí nghiệm. Các hồ sơ khi L giao cho D ký đều đã được lập sẵn nội dung, điền sẵn tên Nguyễn Thế D ở mục cán bộ kỹ thuật của đơn vị thi công và người lập ở tập bản vẽ hoàn công. Tại công trình này, Đoàn Ngọc Q1 là cán bộ kỹ thuật chỉ đạo thi công ngoài hiện trường hầu hết các bộ phận, hạng mục công trình, D chỉ tham gia làm kỹ thuật thi công hạng mục rãnh thoát nước đoạn đấu nối từ thoát nước cuối chợ và khu nhà dân (D làm việc cho Công ty M từ tháng 4/2015 khi công trình cơ bản đã hoàn thành). Tuy nhiên L lại giao cho D ký toàn bộ hồ sơ công trình với vai trò cán bộ kỹ thuật mà không giao cho Q1 ký. D tin tưởng Công ty M đã thi công đúng thiết kế và vì L là Giám đốc công ty chỉ đạo D ký. Ký xong hồ sơ, D để toàn bộ hồ sơ tài liệu vào tủ hồ sơ tại văn phòng làm việc của công ty. Sau đó L đi trình hồ sơ cho các bên liên quan ký. Để hoàn thiện hồ sơ phục vụ quyết toán công trình, tháng 3/2016, L đã chỉ đạo Đỗ Anh T, sinh năm 1986, trú tại thôn Cộng Hòa, xã X, huyện L, tỉnh V là cán bộ kỹ thuật làm việc tại văn phòng của Công ty M photo hồ sơ, xin chữ ký và đóng dấu vào các tập hồ sơ. Khi T1 nhận hồ sơ gồm tập biên bản nghiệm thu, tập bản vẽ hoàn công và tập nhật ký thi công để trong tủ hồ sơ tại văn phòng công ty thì các hồ sơ đã được lập sẵn nội dung và đã có chữ ký của các bên liên quan chỉ thiếu chữ ký của T - Giám đốc Công ty T tại tờ bìa của tập bản vẽ hoàn công. T1 đến trụ sở Công ty T để xin chữ ký T, sau đó photo thành nhiều bản rồi đến các đơn vị liên quan đóng dấu hoàn thiện hồ sơ. Ngoài ra, đầu năm 2014, L giao nhiệm vụ cho T1 lập hồ sơ dự thầu thi công xây dựng công trình căn cứ trên hồ sơ thiết kế công trình được duyệt, hồ sơ mời thầu của chủ đầu tư và lập hồ sơ thanh toán lần 01 số tiền 1.304.656.000đ. Để kiểm tra, đánh giá các chỉ tiêu theo quy chuẩn, quy Đ nhằm đảm bảo chất lượng để đưa vào xây dựng công trình, làm cơ sở đánh giá nghiệm thu công việc và nghiệm thu đưa vào sử dụng, Công ty M đã thuê Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng N (địa chỉ: Khu hành chính 1, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Y, do Lê Thị Bích H, sinh năm 1982, trú tại Tổ 5, khu hành chính 1, phường Liên Bảo, thành phố V, tỉnh V làm Giám đốc) thí nghiệm vật

tư, vật liệu xây dựng và thiết kế thành phần cấp phối vữa bê tông. Hải giao trực tiếp việc thí nghiệm vật tư cho cán bộ công ty là Kiều Văn M, sinh năm 1980, trú tại Tổ 5, khu hành chính 1, phường L, thành phố V, tỉnh V (chồng của Lê Thị Bích H). Quá trình M thực hiện việc thí nghiệm các mẫu vật tư, vật liệu và thiết kế thành phần cấp phối vữa bê tông tại phòng thí nghiệm do Công ty M yêu cầu thì không có đại diện đơn vị thi công hay đơn vị tư vấn giám sát đến kiểm tra, giám sát việc thí nghiệm. Sau khi trả kết quả thí nghiệm Công ty M thanh toán cho Công ty N số tiền khoảng 4 triệu đồng.

Quá trình điều tra xác Đ với mục đích tăng L nhuận cho Công ty, L đã mua vật tư, chỉ đạo thi công không đúng với hồ sơ thiết kế được duyệt, lập hồ sơ hoàn công và hồ sơ quyết toán tăng so với thực tế thi công tại các hạng mục, phần việc, cụ thể:

- Nhà chợ chính (02 công trình): Theo hồ sơ quyết toán thì thép bản mã dày 08mm nhưng L thi công loại thép bản mã dày 5,55mm. Thép dằng mái theo hồ sơ quyết toán là thép L50 x 50 (mm) dày 4,0mm nhưng L đưa vào thi công loại thép L45x45 (mm) dày 3,6mm. Theo hồ sơ thiết kế, hồ sơ hoàn công thì mái tôn nhà chợ chính là tôn liên doanh dày 0,42mm nhưng L đưa vào thi công loại tôn không nhãn mác dày 0,3mm (tôn này L mua của Công ty Nvới giá là 92.277.438đ thấp hơn so với hồ sơ quyết toán là 247.547.363đ). Bê tông nền nhà chợ theo quyết toán là bê tông xi măng M150 (đá 1x2cm) nhưng kết quả giám Đ là M100.

- Hạng mục đường nội bộ: Theo hồ sơ quyết toán, thi công bê tông xi măng đá 2x4 (cm), M200 nhưng kết quả giám Đ là M150.

- Nhà chợ phụ số 2 (02 công trình): Theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt và hồ sơ quyết toán thì phần mái lợp tôn liên doanh dày 0,42mm. Thực tế, L đã đưa vào thi công loại tôn POSHACO dày 0,42mm (độ dày đúng theo thiết kế tuy nhiên tôn này L mua của Công ty Nvới giá là 27.704.206đ thấp hơn nhiều so với hồ sơ quyết toán là 51.690.891đ). Phần bê tông nền nhà chợ theo hồ sơ quyết toán, thi công bê tông M200 nhưng theo kết quả giám Đ là M150.

- Nhà chợ phụ số 03 (01 công trình): Phần mái tôn theo hồ sơ thiết kế và quyết toán là tôn liên doanh dày 0,42mm. Thực tế L đã đưa vào sử dụng tôn POSHACO cũng có độ dày 0,42mm (độ dày đúng theo thiết kế tuy nhiên tôn này L mua của Công ty Nvới giá là 7.579.432đ thấp hơn so với hồ sơ quyết toán là 15.374.272đ). Theo hồ sơ quyết toán phần xà gồ thép có khối lượng là 246,02 (kg) nhưng thực tế L đã thi công loại xà gồ 60x30x1,4 (mm) có khối lượng 126,4 kg. Theo hồ sơ quyết toán, thi công bê tông nền nhà chợ phụ là M200 nhưng kết quả giám Đ là M150.

- Nhà chợ phụ số 04 (01 công trình): Phần bê tông nền nhà theo hồ sơ quyết toán là M200 tuy nhiên kết quả giám Đ là M150. Phần mái tôn theo hồ sơ thiết kế, quyết toán là tôn liên doanh dày 0,42mm. Thực tế thi công L cũng đưa

vào loại tôn POSHACO cũng có độ dày 0,42mm mua của Công ty N(độ dày đúng theo thiết kế tuy nhiên tôn này L mua của Công ty Nvới giá là 20.927.320đ thấp hơn so với hồ sơ quyết toán là 39.046.483đ).

- Nhà chợ phụ số 4A (01 công trình): Theo hồ sơ quyết toán xà gồ thép có khối lượng là 246,02kg nhưng thực tế L dã thi công loại xà gồ 60x30x1,4(mm) có khối lượng 126,4kg. Theo hồ sơ thiết kế được duyệt, hồ sơ hoàn công thì phần mái lợp bằng Fibrô xi măng có giá 55.000đ/tấm. Thực tế L cũng lợp mái bằng Fibrô xi măng nhưng hồ sơ thanh quyết toán là lợp mái tôn có đơn giá là 229.065đ (đơn giá hoàn công trình theo m^2).

+ Theo hồ sơ thiết kế mái nhà để xe lợp tôn liên doanh dày 0,42mm thực tế thi công L đưa vào loại tôn HOA SEN cũng có độ dày 0,42mm mua của Công ty N(độ dày đúng theo thiết kế tuy nhiên tôn này L mua của Công ty Nvới giá 18.128.402đ, thấp hơn so với hồ sơ quyết toán 31.519.395đ).

Tổng giá trị chênh lệch các phần việc, hạng mục nêu trên là 318.422.744đ. Trong đó: Giá trị chênh lệch khối lượng giữa thực tế thi công và quyết toán được phê duyệt là 39.654.735đ. Giá trị chênh lệch tôn lợp mái nhà chợ chính là 185.959.902đ. Giá trị chênh lệch tôn lợp mái nhà chợ phụ số 2, 3, 4 và nhà để xe là 63.291.682đ. Giá trị chênh lệch tôn lợp mái nhà chợ phụ số 4A bằng tấm Fibrô xi măng là 29.516.425đ.

Sau khi công trình thi công hoàn thành, vào đầu năm 2016, Thanh tra huyện T T1 hành thanh tra việc quản lý đầu tư xây dựng công trình. Đến ngày 25/02/2016, Thanh tra huyện T ra Kết luận thanh tra số 08/KL-TTr nêu một số tồn tại liên quan đến việc thi công công trình, cụ thể: Công ty M thi công thiếu bản mã, bu lông để ghép nối phần đầu cột và chân cột Nhà chợ phụ số 2, 3, 4 và 4A với tổng giá trị là 20.049.000đ, đồng thời Thanh tra huyện T đề nghị UBND xã H giảm trừ số tiền trên khi phê duyệt quyết toán công trình.

Cuối năm 2017, để phục vụ công tác thẩm tra quyết toán, UBND xã H đã cung cấp cho Phòng Tài chính Kế hoạch huyện T các hồ sơ liên quan đến công trình gồm: Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 01/12/2017 của UBND xã H đề nghị thẩm tra phê duyệt quyết toán công trình, Quyết Đ phê duyệt báo cáo KTKT số 63 ngày 03/9/2013, Quyết Đ phê duyệt điều chỉnh bổ sung báo cáo KTKT số 134 ngày 25/6/2014 của UBND xã H, Quyết Đ phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu số 95 ngày 26/5/2014 của UBND xã H, Hợp đồng xây dựng công trình, Hợp đồng kinh tế về việc lập báo cáo KTKT, tư vấn giám sát công trình, các Biên bản nghiệm thu, Kết luận Thanh tra, Bảng quyết toán khối lượng, Bản vẽ hoàn công, Nhật ký thi công, Bản vẽ thiết kế, Dự toán thẩm tra được duyệt. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện T đã thực hiện việc thẩm tra quyết toán đối với công trình Nâng cấp, cải tạo chợ H. Theo sự phân công của ông Trần Đức T - Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện T thì ông Lưu Văn Q - Phó Trưởng phòng làm Tổ trưởng trực tiếp thực hiện thẩm tra về đơn giá các phần việc, hạng mục công trình và ông Đỗ Trung Sơn (Cán bộ Ban QLDA ĐTXD huyện T) - Thành viên Tổ quyết toán

trực tiếp thẩm tra khối lượng xây lắp công trình. Kết quả thẩm tra: Giá trị thẩm tra quyết toán xét duyệt là 3.404.110.000đ, giảm so với số trình là 35.415.000đ nguyên nhân là do giá trị xây lắp sản xuất cột thép chưa được phê duyệt, khảo sát không đủ hồ sơ, tư vấn lập báo cáo KTKT tính chưa chính xác theo quy Đ. Về khối lượng hoàn thành đề nghị phê duyệt quyết toán qua thẩm tra không có gì thay đổi.

Ngày 19/12/2017, UBND xã H đã có Quyết Đ số 122a/QĐ UBND về việc phê duyệt quyết toán dự án, công trình hoàn thành đối với công trình Nâng cấp, cải tạo chợ xã H, tổng giá trị quyết toán là: 3.404.110.000đ, trong đó giá trị xây lắp là: 3.110.366.000đ, quản lý dự án: 78.490.000đ, tư vấn: 215.335.000đ, chi phí khác là 14.200.000đ. Từ ngày 03/10/2014 đến ngày 03/7/2020, chủ đầu tư là UBND xã H đã thanh toán cho các nhà thầu tổng cộng số tiền: 3.310.305.000đ. Trong đó: từ ngày 03/10/2014 đến ngày 06/5/2020, UBND thị trấn H thanh toán cho Công ty M là: 3.096.085.000đ, bằng 99,54% giá trị xây lắp được quyết toán; thanh toán cho các đơn vị tư vấn gồm Công ty P, Công ty N, Công ty T và Công ty T là: 214.220.000đ, bằng 99,48% giá trị tư vấn được quyết toán. Trong đó, ngày 03/7/2020, UBND thị trấn H thanh toán chi phí tư vấn giám sát kỹ thuật thi công xây dựng công trình cho Công ty T số tiền 81.365.000đ.

Sau khi Công ty T được thanh toán tiền gói thầu tư vấn thiết kế, tháng 6/2020, Nguyễn Như H đã liên hệ với D - Giám đốc Công ty T đề nghị D rút tiền và chuyển lại tiền cho H theo như thỏa thuận ban đầu (D nhận 20% giá trị gói thầu được quyết toán, H nhận 80% giá trị). Sau đó, D giữ lại số tiền 22.465.000 đồng để nộp thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN đối với gói thầu và đưa lại cho H số tiền 87.000.000đ.

Đầu tháng 7/2020, H biết UBND thị trấn H đã thanh toán tiền chi phí tư vấn giám sát cho Công ty T, H liên hệ và đề nghị T rút số tiền đã được chủ đầu tư thanh toán tiền chi phí tư vấn giám sát và chuyển lại tiền cho H theo như thỏa thuận ban đầu là T nhận 25% giá trị gói thầu, H nhận 75% còn lại. Sau khi rút tiền, T giữ lại số tiền 21.365.000đ và đưa lại cho H số tiền 60.000.000đ.

Đối với số tiền chi phí quản lý dự án công trình Nâng cấp, cải tạo chợ H là 78.490.000đ, đến nay UBND thị trấn H chưa bố trí được nguồn kinh phí nên chưa thanh toán.

Kết quả trưng cầu giám Đ:

Ngày 27/5/2021, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh V ra Quyết Đ trưng cầu giám Đ số 252 trưng cầu Trung tâm giám Đ chất lượng xây dựng (GĐCLXD) thuộc Chi cục Giám Đ chất lượng xây dựng - Sở Xây dựng tỉnh V giám Đ xác Đ khối lượng và giá trị thực tế thi công tại hiện trường của công trình Nâng cấp, cải tạo chợ xã H.

Ngày 21/6/2021, Trung tâm giám Đ chất lượng xây dựng - Chi cục Giám Đ chất lượng xây dựng có Kết luận giám Đ tư pháp xây dựng số 01/KL-

GĐTPXD kết luận: Giá trị chênh lệch khối lượng giữa thực tế thi công và quyết toán được phê duyệt là 39.654.735đ. Giá trị chênh lệch tôn lợp mái nhà chợ chính là 185.959.902đ. Giá trị chênh lệch tôn lợp mái nhà chợ phụ số 2, 3, 4 và nhà để xe là 63.291.682đ. Giá trị chênh lệch tôn lợp mái nhà chợ phụ số 4A bằng tấm Fibrô xi măng là 29.516.425đ. Tổng giá trị chênh lệch các phần việc, hạng mục nêu trên là 318.422.744đ. Trong đó có hạng mục bê tông nền nhà và đường nội bộ với giá trị khối lượng chênh lệch là: 19.660.302đ.

Ngày 14/10/2021, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh đã có văn bản số 1219/CV-CSĐT gửi Trung tâm GĐCLXD - Chi cục Giám Đ xây dựng đề nghị xác Đ cường độ chịu nén của bê tông (mác bê tông) có bị ảnh hưởng sau thời gian dài công trình đã đưa vào sử dụng hay không. Trường hợp Công ty M thi công đúng theo hồ sơ thiết kế được duyệt tại các hạng mục (bê tông nền nhà, mặt đường) thì sau thời gian thi công từ năm 2014 đến nay (07 năm), dưới tác động của ngoại cảnh thì mác bê tông hiện nay là bao nhiêu?

Ngày 13/12/2021, Trung tâm GĐCLXD - Chi cục Giám Đ xây dựng có văn bản số 96/TTGĐCLXD trả lời: Cường độ chịu nén của bê tông (mác bê tông) có bị ảnh hưởng sau khi công trình được đưa vào sử dụng bởi nhiều yếu tố. Đối với việc Công ty M thi công đúng theo hồ sơ thiết kế được duyệt tại các hạng mục (bê tông nền nhà, mặt đường) thì sau thời gian thi công từ năm 2014 đến nay (07 năm), dưới tác động của ngoại cảnh thì không có căn cứ để xác Đ, tính toán theo lý thuyết đối với cường độ chịu nén của bê tông (mác bê tông) qua thời gian sử dụng.

Phạm Văn L - Giám đốc Công ty M là thi công không đúng hồ sơ thiết kế được duyệt nhưng vẫn lập hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán khống, không đúng so với thực tế thi công các phần việc, hạng mục tại công trình gây thiệt hại và chiếm đoạt của ngân sách nhà nước số tiền là 318.422.744đ.

- Để xác Đ các chữ ký (chữ ký nháy) tại các mục "Đại diện chủ đầu tư/UBND xã H" trên toàn bộ các hồ sơ nghiệm thu, quyết toán công trình Nâng cấp, cải tạo chợ H có phải là chữ ký của Trần Văn B hay không, Cơ quan điều tra đã trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh V giám Đ các chữ ký (chữ ký nháy) này so với chữ ký của Trần Văn B có phải do cùng một người ký ra hay không, cụ thể:

+ Ngày 04/01/2022, Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh V đã ra Quyết Đ trưng cầu giám Đ số 04/QĐ-CSĐT trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh V giám Đ chữ viết, chữ ký đối với chữ ký ở bên phải mục "ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ" tại vị trí trên chữ ký được đóng dấu đỏ của Đào Xuân Đ trong 08 Biên bản nghiệm thu hoàn thành bộ phận công trình xây dựng giai đoạn thi công xây dựng và chữ ký của Trần Văn B. Ngày 01/02/2022, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh V đã có Kết luận giám Đ số 374/KL-KTHS kết luận: Không đủ cơ sở kết luận các chữ ký này so với chữ ký của Trần Văn B có phải do cùng một người ký ra hay không, do các chữ ký là dạng chữ ký đơn giản, ít đặc điểm có giá trị

truy nguyên cao.

+ Ngày 04/01/2022, Cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh V đã ra Quyết Đ trưng cầu giám Đ số 05/QĐ-CSĐT trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh V giám Đ chữ viết, chữ ký đối với chữ ký ở bên phải mục "UBND XÃ H" tại vị trí trên chữ ký được đóng dấu đỏ của Đào Xuân Đ trong Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng và chữ ký của Trần Văn B. Ngày 01/02/2022, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh V đã có Kết luận giám Đ số 375/KL-KTHS kết luận: Chữ ký bằng mực đen ở bên phải mục "UBND XÃ H" phía trên chữ ký đứng tên Đào Xuân Đ - Chủ tịch UBND xã H so với chữ ký của Trần Văn B là do cùng một người ký ra.

+ Ngày 04/01/2022, Cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh V đã ra Quyết Đ trưng cầu giám Đ số 06/QĐ-CSĐT trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh V giám Đ chữ viết, chữ ký đối với chữ ký ở bên phải mục "ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ" tại vị trí trên chữ ký được đóng dấu đỏ của Đào Xuân Đ trong hồ sơ thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành lần 1, hồ sơ thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành lần 2, hồ sơ quyết toán xây lắp hoàn thành và chữ ký của Trần Văn B. Ngày 01/02/2022, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh V đã có Kết luận giám Đ số 376/KL-KTHS kết luận: Không đủ cơ sở kết luận các chữ ký này so với chữ ký của Trần Văn B có phải do cùng một người ký ra hay không, do các chữ ký là dạng chữ ký đơn giản, ít đặc điểm có giá trị truy nguyên cao.

- Trong suốt quá trình công trình Nâng cấp, cải tạo chợ H được thi công từ khi khởi công đến khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, công trình không có ai là Nguyễn Văn M thực hiện công việc giám sát kỹ thuật thi công như trong các hồ sơ công trình thể hiện và thực tế cũng không có cán bộ giám sát kỹ thuật thi công ngoài hiện trường. Để xác Đ chữ ký tại mục "Nguyễn Văn M - Tư vấn giám sát" trong các hồ sơ của công trình là do ai ký, Cơ quan điều tra đã trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh V giám Đ các chữ ký tại mục này so sánh với các đối tượng có liên quan trong vụ án, cụ thể:

+ Ngày 18/11/2021, Cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh V đã ra Quyết Đ trưng cầu giám Đ số 526/QĐ-CSĐT trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh V giám Đ chữ viết, chữ ký đối với chữ viết, chữ ký tại mục "Nguyễn Văn M - Tư vấn giám sát" trong tập nhật ký thi công công trình và chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thế D - Cán bộ kỹ thuật Công ty M. Ngày 01/01/2022, Phòng Kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh V đã có Kết luận giám Đ số 49/KL-KTHS kết luận: Không đủ cơ sở kết luận các chữ ký đứng tên Nguyễn Văn M dưới mục "TƯ VẤN GIÁM SÁT" so với chữ ký của Nguyễn Thế D có phải do cùng một người ký ra hay không, do các chữ ký khác dạng.

+ Ngày 22/11/2021, Cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh V đã ra Quyết Đ trưng cầu giám Đ số 528/QĐ-CSĐT trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh V giám Đ chữ viết, chữ ký đối với chữ viết, chữ ký tại mục

“Nguyễn Văn M - Tư vấn giám sát” trong tập kết quả thí nghiệm công trình (LAS) và chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thế D - Cán bộ kỹ thuật Công ty M. Ngày 01/01/2022, Phòng Kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh V đã có Kết luận giám Đ số 50/KL-KTHS kết luận: Không đủ cơ sở kết luận các chữ ký đứng tên Nguyễn Văn M dưới mục “TƯ VẤN GIÁM SÁT” so với chữ ký của Nguyễn Thế D có phải do cùng một người ký ra hay không, do các chữ ký khác dạng.

+ Ngày 08/3/2022, Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh V đã ra Quyết Đ trưng cầu giám Đ số 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99 trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh V giám Đ chữ ký đối với chữ ký tại mục “TƯ VẤN GIÁM SÁT” trên mục “Nguyễn Văn M” tại các tờ nhật ký thi công, tờ kết quả thí nghiệm công trình so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Như H, Nguyễn Hồng T, Phạm Văn L, Nguyễn Thị V, Đoàn Ngọc Q1, Đỗ Anh T1 và Đỗ Thị Yến có phải do cùng một người ký ra không. Ngày 01/4/2022, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh V đã có Kết luận giám Đ số 727, 728, 729, 730, 731, 732, 733, và Kết luận giám Đ số 972, 973, 974, 975, 976, 977, 978 ngày 16/4/2022 đều kết luận: Không đủ cơ sở để kết luận các chữ ký tại mục “TƯ VẤN GIÁM SÁT” trên mục “Nguyễn Văn M” trên các tờ nhật ký thi công, tờ kết quả thí nghiệm so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Như H, Nguyễn Hồng T, Phạm Văn L, Nguyễn Thị V, Đoàn Ngọc Q1, Đỗ Anh T1 và Đỗ Thị Y có phải do cùng một người ký, viết ra hay không.

Vật chứng đã thu giữ gồm: Tạm giữ của UBND thị trấn H những tài liệu, hồ sơ về quá trình đầu tư, thi công, nghiệm thu, thanh quyết toán công trình Nâng cấp, cải tạo chợ H; thu giữ của Nguyễn Hồng T 01 phiếu chi ngày 08/7/2020; tạm giữ số tiền 399.787.744đ gồm: 318.422.744đ do Phạm Văn L giao nộp; 60.000.000đ do Nguyễn Như H giao nộp; 21.365.000đ do Nguyễn Hồng T giao nộp.

Về trách nhiệm dân sự: UBND thị trấn H yêu cầu các bị cáo phải bồi thường trả ngân sách Nhà nước toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt và các khoản tiền bị thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Cụ thể Phạm Văn L phải bồi thường 318.422.744đ; Nguyễn Như H và Nguyễn Hồng T phải bồi thường 81.365.000đ. Quá trình điều tra Phạm Văn L đã nộp số tiền 318.422.744đ, Nguyễn Như H đã nộp 60.000.000đ và Nguyễn Hồng T đã nộp 21.365.000đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 88/2022/HS-ST ngày 23/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh V đã quyết Đ:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn L, Nguyễn Như H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Phạm Văn L 03 (Ba) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Như H 18 (Mười tám) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết Đ về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác; trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy Đ của pháp luật.

Ngày 29/9/2022, bị cáo Nguyễn Như H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Ngày 05/10/2022, bị cáo Phạm Văn L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 03/10/2022, bị cáo Trần Văn B kháng cáo đề nghị được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền hoặc cảnh cáo. Ngày 30/8/2023, bị cáo Trần Văn B xin rút toàn bộ kháng cáo, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo tại Quyết đình chỉ xét xử phúc thẩm số 73A/QĐ-PT ngày 30/8/2023.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo Phạm Văn L, Nguyễn Như H đều giữ nguyên nội dung kháng cáo và thừa nhận hành vi phạm tội, việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là đúng người, đúng tội, không oan. Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại. Bị cáo Phạm Văn L trình bày gia đình có công với cách mạng; con gái bị cáo công tác trong ngành Công an, được tặng Bằng khen, Giấy khen; bị cáo tích cực tham gia ủng hộ quỹ phòng chống dịch Covid, quỹ vì người nghèo; thường xuyên tham gia cứu giúp những người gặp tai nạn giao thông; bản thân bị cáo hiện bị nhiều bệnh tật, sức khỏe yếu phải thường xuyên điều trị. Bị cáo Nguyễn Như H trình bày trong quá trình công tác bị cáo được hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được UBND huyện tặng giấy khen; có công trong việc cứu giúp người bị nạn; chú ruột bị cáo là liệt sỹ; bố vợ bị cáo có công với cách mạng; hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện rất khó khăn, là lao động chính phải phụng dưỡng bố, mẹ già; được UBND huyện T và UBND thị trấn H xin giảm nhẹ hình phạt. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo đều đã nộp tiền phạt, án phí hình sự sơ thẩm thể hiện thái độ chấp hành pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo khác; người liên quan; người làm chứng; phù hợp các kết luận giám Đ; phù hợp khách quan với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và xử phạt bị cáo Phạm Văn L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự; xét xử và xử

phạt bị cáo Nguyễn Như H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy Đ của pháp luật.

Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, quyết Đ của bản án sơ thẩm, đánh giá các tình tiết có trong hồ sơ vụ án cũng như hành vi phạm tội cụ thể các bị cáo, đánh giá việc tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo có tình tiết mới như: là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận; gia đình có công với cách mạng; các bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; quá trình công tác có nhiều thành tích được khen thưởng; tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện tại địa phương, đã chấp hành bản án về việc nộp phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm; xét thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiêm hình sự quy Đ tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, hậu quả vụ án đã được khắc phục hoàn toàn; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Đồng thời, đánh giá nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 355, 357 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận một phần kháng cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Phạm Văn L; chấp nhận kháng cáo, áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo Nguyễn Như H được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, trình bày của các bị cáo,

NHẬN Đ CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: các cơ quan T1 hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện theo đúng các quy Đ của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử không có khiếu nại về hành vi tố tụng của những người T1 hành tố tụng, nên các tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ là hợp pháp. Đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn L, Nguyễn Như H trong hạn luật Đ, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phạm Văn L, Nguyễn Như H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại Cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của các bị cáo khác; bị hại; người liên quan; phù hợp với các kết luận giám Đ; cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Thực hiện chủ trương đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp, cải tạo chợ xã H, UBND xã Hợp Châu đã ban hành các quyết định về việc phê duyệt báo cáo kinh tế, kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình; phê duyệt điều chỉnh bổ sung báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình với tổng mức đầu tư là 4.026.075.000đ (trong đó xây lắp là 3.420.711.000đ, chi phí QLDA là 78.491.141đ, tư vấn xây dựng là 244.573.582đ, chi phí khác là 46.396.973đ, dự phòng là 235.842.944đ). Để quản lý dự án và giám sát công trình, UBND xã H đã

thành lập Ban quản lý dự án công trình, trong đó phân công: Đào Xuân Đ - Chủ tịch UBND xã H là Trưởng ban; Trần Văn B, thời điểm đó giữ chức vụ Phó Chủ tịch UBND xã H là Phó Trưởng ban; chỉ định Công ty T do Nguyễn Hồng T, Giám đốc Công ty làm nhà thầu tư vấn, giám sát công trình (bản chất sự việc là Nguyễn Như H nhận tư vấn giám sát công trình, sau đó mượn tư cách pháp nhân của Công ty Trường An để thực hiện gói thầu); lựa chọn Công ty M, do Phạm Văn L, Giám đốc là nhà thầu thi công xây lắp công trình. Quá trình thi công công trình, T và H đã không thực hiện việc giám sát công trình hoặc cử cán bộ kỹ thuật giám sát công trình nhưng vẫn quyết toán khống để chiếm đoạt số tiền 81.365.000đ của ngân sách Nhà nước; Phạm Văn L đã thi công không đúng hồ sơ thiết kế được duyệt nhưng vẫn lập hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán khống, không đúng so với thực tế thi công các phần việc, hạng mục tại công trình, gây thiệt hại và chiếm đoạt của ngân sách Nhà nước số tiền 318.422.744đ; Đào Xuân Đ và Trần Văn B không tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng, có một số buổi đi kiểm tra T1 độ thực hiện công trình nhưng không lập thành biên bản, không kiểm tra các hạng mục, bộ phận, công việc xây dựng theo quy Đ dẫn đến hậu quả bị Hùng và Thắng quyết toán khống số tiền 81.365.000đ, L thanh quyết toán khống, không đúng so với thực tế thi công các phần việc, hạng mục tại công trình gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 318.422.744đ. Tổng thiệt hại cho ngân sách Nhà nước là 399.787.744đ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Văn L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự; xét xử và xử phạt bị cáo Nguyễn Như H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết Đ về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Hồng T, Đào Xuân Đ và Trần Văn B; tuy nhiên, các bị cáo này không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn L, Nguyễn Như H, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác và xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, đến các hoạt động của cơ quan Nhà nước và các tổ chức. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội, các bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại, được bị hại xin giảm hình phạt, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy Đ tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo tiếp tục tỏ thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và xuất trình các tài liệu mới thể hiện: Bị cáo Phạm Văn L bị nhiều bệnh tật, bị bệnh đái tháo đường tuýp 2 thường xuyên điều trị tại bệnh viện; gia đình có công với cách mạng, bố đẻ bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ; con gái bị cáo công tác trong ngành Công an được Bộ trưởng Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh Đ

tặng Bằng khen, Giấy khen; bị cáo còn tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện như cứu giúp người bị tai nạn giao thông đi cấp cứu kịp thời, được UBND xã Hồ Sơn xác nhận; ủng hộ 2.000.000 đồng cho quỹ ngày vì người nghèo, ủng hộ 1.000.000 đồng cho quỹ phòng chống dịch Covid-19 xã H; sau khi xét xử bị cáo đã nộp toàn bộ tiền phạt bổ sung, án phí hình sự sơ thẩm. Đối với bị cáo Nguyễn Như H trong quá trình công tác đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Phòng kinh tế và Hạ tầng UBND huyện T có Công văn số 63/CV-KTHT ngày 28/9/2022; UBND thị trấn H có Công văn số 352/CV-UBND ngày 17/10/2022 đều đề nghị xem xét áp dụng hình phạt phù hợp đối với bị cáo Nguyễn Như H vì bị cáo là cán bộ, công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, nhân thân lý lịch tốt; bị cáo có thành tích đột xuất trong công tác cứu người gặp nạn, được UBND thị trấn G, huyện B, tỉnh V tặng Giấy khen; gia đình bị cáo có công với cách mạng, có chú ruột là liệt sỹ Nguyễn Như D; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bố, mẹ đẻ bị cáo đã mất, nên bị cáo và vợ cùng các con ở cùng bố mẹ vợ cũng đều là người tuổi cao, sức yếu cần người chăm sóc phụng dưỡng, được UBND xã G xác nhận; bố vợ bị cáo có nhiều cống hiến cho Nhà nước, được tặng thưởng nhiều Bằng khen, Huân huy chương của Nhà nước trao tặng; bị cáo đều đã nộp tiền phạt, án phí hình sự sơ thẩm theo bản án sơ thẩm đã tuyên. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới đối với bị cáo, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm vào khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo. Vì vậy, xét thấy, các bị cáo Phạm Văn L, Nguyễn Như H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy Đ tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đặc biệt hậu quả vụ án đã được khắc phục hoàn toàn; bị hại đều xin giảm nhẹ cho các bị cáo; trên cơ sở đánh giá tính chất hành vi, hậu quả tội phạm, việc khắc phục hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra, thái độ chấp hành pháp luật, nhân thân và việc các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt, áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo, cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo, đồng thời cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải, tích cực khắc phục hậu quả đã gây ra.

[4] Về án phí: Kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận, nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết Đ khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT Đ:

[1]. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn L, Nguyễn Như H; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 88/2022/HS-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh V về phần trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn L, Nguyễn Như H, cụ thể:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn L, Nguyễn Như H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

[1.1]. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn L 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 29/9/2023).

Giao bị cáo Phạm Văn L cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh V giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy Đ của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết Đ buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy Đ tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

[1.2]. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sử: Xử phạt bị cáo Nguyễn Như H 18 (Mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 29/9/2023).

Giao bị cáo Nguyễn Như H cho Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện B, tỉnh V giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy Đ của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết Đ buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy Đ tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

- Ghi nhận bị cáo Phạm Văn L đã nộp tiền phạt, án phí hình sự sơ thẩm, tổng số tiền 30.200.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0004076 ngày 14/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh V.

- Ghi nhận bị cáo Nguyễn Như H đã nộp tiền phạt, án phí hình sự sơ thẩm, tổng số tiền 20.200.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0004075 ngày 13/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh V.

[2]. Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn L, Nguyễn Như H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3]. Các quyết Đ khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huyền Cường **PH Hải Hiệp** **Mai Anh Tài**

Nơi nhận:
- *Vụ GĐKT 1 – TANDTC;*
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh V;*
- *VKSND tỉnh V;*
- *Cục THADS tỉnh V;*
- *Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh V;*
- *Các bị cáo (theo địa chỉ);*
- *UBND xã H, huyện T, tỉnh V (để thực hiện);*
- *UBND TT Gia Khánh, huyện Bình Xuyên, tỉnh V (để thực hiện);*
- *Lưu HS, P.HC-TP TANDCC tại Hà Nội.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Anh Tài